

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2024/DS-ST  
Ngày: 21/10/2024  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
tín dụng*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh;

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2024 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2024/TLST-DS ngày 26/3/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 304/2024/QĐXXST-DS ngày 05/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1630/2024/QĐST-DS ngày 02/10/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: đường N, phường 8, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu Đ – chuyên viên quản lý nợ.

Địa chỉ: đường B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2024.

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: tổ M, khu phố B1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông Đ có đơn xin vắng mặt; bà H vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đại diện theo ủy quyền ông Trần Hữu Đ trình bày:***

Ngày 31/01/2023, bà Lê Thị Ngọc H có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu chung này được gọi là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Lê Thị Ngọc H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi ký hợp đồng, từ ngày 05/02/2023 đến ngày 05/5/2023 bà Lê Thị Ngọc H đã thực hiện các giao dịch rút tiền với tổng số tiền là 172.098.000đ. tính đến ngày 05/7/2023 bà Lê Thị Ngọc H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 125.995.095 đồng (trong đó nợ gốc 122.361.005đ, lãi 2.985.090đ, phí vượt hạn mức 50.000đ, phí thẻ 599.000đ) và không tiếp tục thanh toán tiền lãi, tiền gốc cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 21/10/2024 là 81.109.856đ (trong đó nợ gốc là 49.736.995đ, phí trễ hạn hạn 1.113.548, lãi 30.066.947đ, phí vượt hạn mức 172.366đ) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 22/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng.

**Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.**

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:***

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, buộc bị đơn bà Lê Thị Ngọc H phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 21/10/2024 là 81.109.856đ (trong đó nợ gốc là 49.736.995đ, phí trễ hạn hạn 1.113.548, lãi 30.066.947đ, phí vượt hạn mức 172.366đ) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ

ngày 22/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H thực hiện nghĩa vụ trả nợ thanh toán tiền nợ gốc và lãi tại hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định Ngân hàng TMCP S là nguyên đơn, bà Lê Thị Ngọc H là bị đơn. Căn cứ khoản 3, 14, 16 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Ông Trần Hữu Đức có đơn xin vắng mặt. Bà Lê Thị Ngọc H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1] Về yêu cầu nợ gốc: Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn Bà Lê Thị Ngọc H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vay tính đến ngày 02/10/2024 là 79.811.339đ (trong đó nợ gốc là 49.736.995đ, phí trễ hạn 1.113.548, lãi 28.768.430đ, phí vượt hạn mức 172.366đ) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 03/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp bản sao các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 28/2023/T01 ngày 31/01/2023.

Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 28/2023/T01 ngày 31/1/2023 giữa Ngân hàng TMCP S với bà Lê Thị Ngọc H, nhận thấy: Ngày 31/01/2023, bà Lê Thị Ngọc H đề nghị Ngân hàng TMCP S cấp tín dụng hạn mức 50.000.000đ. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà H với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ. Sau khi được cấp thẻ tín

dụng, bà H đã thực hiện các giao dịch. Tuy nhiên, quá trình sử dụng thẻ, bà H thường xuyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh địa chỉ của bà H và được Công an phường Thống Nhất cung cấp thông tin: bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1988, có đăng ký thường trú tại địa chỉ tổ M, khu phố B1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên từ năm 2023 bà H không còn cư trú tại địa chỉ tổ M, khu phố B1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, đi đâu, làm gì địa phương không biết. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, thông báo về việc giải quyết vụ án đối với bà H trên Đài Tiếng nói Việt Nam – Cơ quan thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh phát sóng 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, đăng thông báo tại Báo pháp luật Việt Nam 03 ngày liên tiếp và đăng trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đồng thời nhiều lần niêm yết triệu tập bà H đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt không có lý do, không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy xem như bà H đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 28/2023/T01 ngày 31/01/2023 giữa Ngân hàng TMCP S với bà Lê Thị Ngọc H thể hiện: Nghĩa vụ thanh toán của cá nhân khách hàng tại Sacombank: Thanh toán toàn bộ dư nợ cuối kỳ. Bà H có nghĩa vụ thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn theo yêu cầu của Sacombank.

Xét thấy, quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng TMCP S. Ngân hàng đã yêu cầu bà H thanh toán nợ nhưng bà H không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên và theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S buộc bị đơn bà Lê Thị Ngọc H phải thanh toán nợ gốc là số tiền bà H thực hiện các giao dịch bằng thẻ tín dụng số tiền 49.736.995đ là có cơ sở chấp nhận.

#### [2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi:

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 28/2023/T01 ngày 31/01/2023 giữa Ngân hàng TMCP S với bà Lê Thị Ngọc H thỏa thuận: Lãi suất tại thời điểm làm thẻ 29,8%.

Theo Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật*

*Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. 2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất. Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc thỏa thuận lãi của các bên là tự nguyện. Sau khi ký Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 28/2023/T01 ngày 31/01/2023, bà Lê Thị Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và gốc. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc bà Lê Thị Ngọc H phải thanh toán số tiền tính đến ngày 21/10/2024 là 81.109.856đ (trong đó nợ gốc là 49.736.995đ, phí trễ hạn hạn 1.113.548, lãi 30.066.947đ, phí vượt hạn mức 172.366đ) và tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 22/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận.*

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn bà Lê Thị Ngọc H phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền chi phí đăng phương tiện thông tin đại chúng. Do nguyên đơn đã đóng tạm ứng chi phí tố tụng, nên buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn Bà Lê Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.055.493đ (81.109.856đ x 5%). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 30, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 180, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 299, 320, 324, 357 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Điều 4, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc H về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Lê Thị Ngọc H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 21/10/2024 là 81.109.856đ (tám mươi một triệu một trăm lẻ chín ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó nợ gốc là 49.736.995đ, phí trễ hạn hạn 1.113.548, lãi 30.066.947đ, phí vượt hạn mức 172.366đ.

Kể từ ngày 22/10/2024, bà Lê Thị Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 28/2023/T01 ngày 31/01/2023 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Lê Thị Ngọc H cho đến khi thanh toán xong.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Lê Thị Ngọc H có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) chi phí đăng phương tiện thông tin đại chúng cho Ngân hàng thương mại cổ phần S.

3. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc H phải chịu 4.055.493đ (Bốn triệu không trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 1.641.665đ (một triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 02923 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tp Biên Hòa;
- Chi cục THADS tp. Biên Hòa
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Bùi Thị Thanh Thủy**